

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phước

Ông Nguyễn Ngọc Quyền

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc: "***Tranh chấp ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê T Nh** – sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp B, xã X A, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Nguyễn V T** – sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nh trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Toán được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian sống chung chị Nh và anh T thường hay bất đồng quan điểm, thường hay bị anh T đánh. Do đó, cha và mẹ ruột chị Nh đã rút chị Nh về nhà cha mẹ ruột ở; Một ngày sau thì chị Nh bị sảy thai, anh T biết

được vẫn không đến thăm chị Nh. Từ ngày chị Nh về nhà cha, mẹ ruột ở đến ngày 06/12/2021 là 06 tháng nhưng cả hai không ai tới lui thăm nom nhau, cả hai cũng không liên lạc bằng điện thoại hỏi thăm, nay chị Nh không còn tình cảm với anh T, nên chị Nh yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con: Chị ý xác định chị và anh T không có con chung, không có con nuôi cũng không có con riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh xác định chị và anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn:* Anh Nguyễn V T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Anh T không có đơn đề nghị vắng mặt nộp cho Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Nh.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nh ly hôn anh T.

+ Về con chung và tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Nh yêu cầu ly hôn anh T, nơi cư trú của anh T tại huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh T là phù hợp quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Nh xác định chị và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2020 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và chị Nh thường bị anh T đánh, hiện tại chị Nh không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu ly hôn anh T.

Về phía anh T, kể từ khi thụ lý vụ án này Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật; Anh T đã biết được yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Nh. Điều này chứng tỏ anh T đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh và chị Nh, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Nh.

Từ các mâu thuẫn mà chị Nh trình bày, đến việc chị Nh xác định không còn tình cảm với anh T, thêm vào đó chị Nh cương quyết muốn ly hôn anh T; Còn anh T thì không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, cho thấy rằng hôn nhân của chị Nh và anh T đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh, cho chị Nh được ly hôn với anh T.

[4] Xét về quan hệ con: Chị Nh và anh T không có con chung, không có con nuôi, không có con riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Nh xác định chị và anh T không có tài sản cũng không có nợ; Anh T cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nh chịu án phí là 300.000đ. Anh T không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Th Nh đối với anh Nguyễn V T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Th Nh Ý được ly hôn anh Nguyễn V T.
2. Về con: Chị Lê Th Nh và anh Nguyễn V T không có con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Lê Th Nh phải chịu án phí là 300.000đ. Chị Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004873 ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 300.000đ.

- Anh Nguyễn V T không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đang

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang